BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	001	2375801080003	Chu Hải An	28/06/2005	Nữ	DH23A1	01		
2	002	2375801080002	Vũ Khánh An	19/03/2005	Nữ	DH23A1	01		
3	003	2375801080010	Đặng Hoàng Anh	19/03/2005	Nam	DH23A1	01		
4	004	2375801080011	Nguyễn Thị Mai Anh	20/06/2004	Nữ	DH23A1	01		
5	005	2375801080018	Nguyễn Thị Phương Anh	16/09/2005	Nữ	DH23A1	01		
6	006	2375801080020	Phạm Thị Huyền Anh	14/05/2005	Nữ	DH23A1	01		
7	007	2375801080019	Phùng Phương Anh	25/08/2005	Nữ	DH23A1	01		
8	008	2375801080009	Tạ Thị Phương Anh	08/02/2005	Nữ	DH23A1	01		
9	009	2375801080025	Triệu Ngọc Ánh	23/04/2005	Nữ	DH23A1	01		
10	010	2375801080027	Trịnh Xuân Bảo	30/07/2005	Nam	DH23A1	01		
11	011	2375801080035	Lê Khánh Duy	10/07/2004	Nam	DH23A1	01		
12	012	2375801080033	Phạm Ngọc Duy	25/04/2005	Nam	DH23A1	01		
13	013	2375801080034	Trần Khánh Duy	26/11/2005	Nam	DH23A1	01		
14	014	2375801080041	Phạm Quang Đạo	27/05/2003	Nam	DH23A1	01		
15	015	2375801080042	Hồ Mạnh Đức	10/12/2005	Nam	DH23A1	01		
16	016	2375801080049	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/03/2005	Nữ	DH23A1	01		
17	017	2375801080056	Nguyễn Ngọc Huyền	09/05/2005	Nữ	DH23A1	01		
18	018	2375801080055	Trần Thị Ngọc Huyền	09/08/2003	Nữ	DH23A1	01		
19	019	2375801080057	Trịnh Thị Huyền	06/02/2004	Nữ	DH23A1	01		
20	020	2375801080065	Bùi Phương Khánh	19/05/2005	Nữ	DH23A1	01		
21	021	2375801080063	Nguyễn Hoàng Gia Khánh	02/08/2005	Nam	DH23A1	01		
22	022	2375801080064	Nguyễn Thị Vân Khánh	01/07/2005	Nữ	DH23A1	01		
23	023	2375801080072	Nguyễn Mỹ Linh	18/03/2005	Nữ	DH23A1	01		
24	024	2375801080080	Nguyễn Thị Linh	26/01/2005	Nữ	DH23A1	01		
25	025	2375801080071	Nguyễn Thị Khánh Linh	05/09/2005	Nữ	DH23A1	01		
26	026	2375801080073	Nguyễn Thị Ngọc Linh	12/05/2005	Nữ	DH23A1	01		
27	027	2375801080079	Trần Khánh Linh	18/03/2005	Nữ	DH23A1	01		
28	028	2375801080081	Vũ Thục Linh	09/12/2005	Nữ	DH23A1	01		
29	029	2375801080087	Trần Lượng	22/02/2005	Nam	DH23A1	01		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	030	2375801080088	Nguyễn Thị Mai	27/02/2004	Nữ	DH23A1	01		
31	031	2375801080095	Trần Thị Hương Mơ	10/02/2005	Nữ	DH23A1	01		
32	032	2375801080096	Vũ Hà My	19/01/2005	Nữ	DH23A1	01		
33	033	2375801080097	Nguyễn Giang Nam	30/11/2005	Nam	DH23A1	01		
34	034	2375801080103	Phùng Thị Minh Nguyệt	07/06/2004	Nữ	DH23A1	01		
35	035	2375801080105	Lê Hồng Yến Nhi	12/08/2005	Nữ	DH23A1	01		
36	036	2375801080104	Nguyễn Hoàng Phương Nhi	31/05/2005	Nữ	DH23A1	01		
37	037	2375801080111	Phan Đức An Phúc	19/01/2005	Nam	DH23A1	01		
38	038	2375801080113	Đông Thu Phương	19/12/2003	Nữ	DH23A1	01		
39	039	2375801080112	Nguyễn Văn Phương	18/07/2005	Nam	DH23A1	01		
40	040	2375801080115	Hồ Nhật Quang	07/09/2005	Nam	DH23A1	01		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	041	2375801080119	Nghiêm Thị Thanh Quế	07/10/2004	Nữ	DH23A1	02		
2	042	2375801080120	Mai Ngọc Quyết	05/09/2005	Nam	DH23A1	02		
3	043	2375801080128	Nguyễn Nam Thắng	03/01/2005	Nam	DH23A1	02		
4	044	2375801080134	Đỗ Thị Thu Thủy	29/10/2005	Nữ	DH23A1	02		
5	045	2375801080135	Nguyễn Đức Toàn	31/07/2005	Nam	DH23A1	02		
6	046	2375801080136	Đỗ Thuỳ Trang	10/02/2005	Nữ	DH23A1	02		
7	047	2375801080141	Cao Thùy Trinh	05/10/2005	Nữ	DH23A1	02		
8	048	2375801080142	Lê Thị Lâm Tuyết	21/12/2005	Nữ	DH23A1	02		
9	049	2375801080143	Trần Nguyệt Tú	20/05/2005	Nữ	DH23A1	02		
10	050	2375801080149	Phí Thị Thảo Vân	01/05/2005	Nữ	DH23A1	02		
11	051	2375801080150	Hàn Công Vinh	23/05/2005	Nam	DH23A1	02		
12	052	2375801080151	Vũ Thế Vinh	16/03/2005	Nam	DH23A1	02		
13	053	2375801080004	Nguyễn Nhật An	02/06/2005	Nữ	DH23A2	02		
14	054	2375801080016	Hoàng Ngọc Anh	13/10/2005	Nữ	DH23A2	02		
15	055	2375801080005	Lê Kim Anh	13/05/2005	Nữ	DH23A2	02		
16	056	2375801080021	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	19/09/2005	Nữ	DH23A2	02		
17	057	2375801080013	Nguyễn Lan Anh	03/03/2005	Nữ	DH23A2	02		
18	058	2375801080014	Nguyễn Phương Anh	11/10/2003	Nữ	DH23A2	02		
19	059	2375801080022	Nguyễn Thị Như Anh	08/05/2004	Nữ	DH23A2	02		
20	060	2375801080012	Vũ Đỗ Phương Anh	25/04/2005	Nữ	DH23A2	02		
21	061	2375801080006	Vũ Hải Anh	17/07/2003	Nam	DH23A2	02		
22	062	2375801080026	Vũ Ngọc Bá	14/11/2004	Nam	DH23A2	02		
23	063	2375801080028	Trần Thị Ngọc Bích	29/01/2005	Nữ	DH23A2	02		
24	064	2375801080029	Nguyễn Phan Nguyên Bình	21/12/2005	Nam	DH23A2	02		
25	065	2375801080030	Nguyễn Ngọc Minh Châu	21/07/2005	Nữ	DH23A2	02		
26	066	2375801080037	Phạm Việt Dũng	08/07/2005	Nam	DH23A2	02		
27	067	2375801080036	Trương Tuấn Dũng	12/06/2005	Nam	DH23A2	02		
28	068	2375801080038	Trần Xuân Dương	12/12/2005	Nam	DH23A2	02		
29	069	2375801080044	Hoàng Hương Giang	02/10/2005	Nữ	DH23A2	02		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	070	2375801080045	Thẩm Hương Giang	10/02/2005	Nữ	DH23A2	02		
31	071	2375801080051	Nguyễn Thị Huế	07/04/2005	Nữ	DH23A2	02		
32	072	2375801080052	Bùi Quốc Huy	30/03/2003	Nam	DH23A2	02		
33	073	2375801080058	Nguyễn Hương Huyền	12/10/2005	Nữ	DH23A2	02		
34	074	2375801080059	Bùi Quỳnh Hương	19/12/2005	Nữ	DH23A2	02		
35	075	2375801080067	Nguyễn Danh Khoa	14/01/2005	Nam	DH23A2	02		
36	076	2375801080066	Trần Đăng Khoa	07/09/2005	Nam	DH23A2	02		
37	077	2375801080068	Phạm Minh Khuê	11/12/2005	Nữ	DH23A2	02		
38	078	2375801080075	Nguyễn Thị Khánh Linh	11/02/2005	Nữ	DH23A2	02		
39	079	2375801080074	Phí Thùy Linh	08/09/2004	Nữ	DH23A2	02		
40	080	2375801080083	Tạ Thùy Linh	20/10/2005	Nữ	DH23A2	02		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	081	2375801080076	Thịnh Lâm Mai Linh	12/01/2005	Nữ	DH23A2	03		
2	082	2375801080084	Trần Vũ Khánh Linh	13/11/2005	Nữ	DH23A2	03		
3	083	2375801080082	Vũ Thùy Linh	19/01/2005	Nữ	DH23A2	03		
4	084	2375801080091	Dương Quỳnh Mai	20/09/2005	Nữ	DH23A2	03		
5	085	2375801080090	Vũ Xuân Mai	24/10/2005	Nữ	DH23A2	03		
6	086	2375801080092	Hoàng Doanh Mạnh	31/10/2005	Nam	DH23A2	03		
7	087	2375801080098	Quách Như Nga	02/10/2005	Nữ	DH23A2	03		
8	088	2375801080099	Phạm Thị Ngân	14/06/2005	Nữ	DH23A2	03		
9	089	2375801080100	Nguyễn Thị Minh Ngọc	24/12/2005	Nữ	DH23A2	03		
10	090	2375801080106	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	26/12/2005	Nữ	DH23A2	03		
11	091	2375801080107	Dương Thanh Phát	24/11/2004	Nam	DH23A2	03		
12	092	2375801080108	Lê Quang Phong	29/07/2005	Nam	DH23A2	03		
13	093	2375801080114	Nguyễn Mai Phương	19/07/2004	Nữ	DH23A2	03		
14	094	2375801080116	Phạm Đức Quân	11/01/2005	Nam	DH23A2	03		
15	095	2375801080124	Nguyễn Kim Sơn	19/10/2005	Nam	DH23A2	03		
16	096	2375801080123	Phạm Ngọc Trường Sơn	04/08/2005	Nam	DH23A2	03		
17	097	2375801080122	Phạm Thái Sơn	12/08/2005	Nam	DH23A2	03		
18	098	2375801080130	Nguyễn Minh Thu	04/03/2005	Nữ	DH23A2	03		
19	099	2375801080129	Trịnh Hoài Thu	07/11/2003	Nữ	DH23A2	03		
20	100	2375801080131	Cấn Xuân Thúy	05/07/2005	Nữ	DH23A2	03		
21	101	2375801080139	Nguyễn Hoàng Thu Trang	06/08/2005	Nữ	DH23A2	03		
22	102	2375801080137	Nguyễn Phương Trang	25/09/2005	Nữ	DH23A2	03		
23	103	2375801080138	Nguyễn Thị Nha Trang	27/09/2005	Nữ	DH23A2	03		
24	104	2375801080144	Phùng Huy Tú	28/11/2004	Nam	DH23A2	03		
25	105	2375801080145	Nguyễn Văn Tùng	22/12/2005	Nam	DH23A2	03		
26	106	2375801080146	Nguyễn Lưu Phương Uyên	22/10/2005	Nữ	DH23A2	03		
27	107	2375801080152	Dương Thảo Vy	23/06/2005	Nữ	DH23A2	03		
28	108	2375801080153	Phạm Thị Hải Yến	23/02/2004	Nữ	DH23A2	03		
29	109	2375801080017	Bùi Duy Anh	18/01/2004	Nam	DH23A3	03		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	110	2375801080008	Dương Việt Anh	12/10/2005	Nữ	DH23A3	03		
31	111	2372101050003	Ngô Quỳnh Anh	24/03/2005	Nữ	DH23A3	03		
32	112	2372101050001	Nguyễn Hoàng Anh	28/06/2005	Nữ	DH23A3	03		
33	113	2375801080023	Nguyễn Lan Anh	07/03/2005	Nữ	DH23A3	03		
34	114	2372101050002	Nguyễn Thị Phương Anh	04/03/2005	Nữ	DH23A3	03		
35	115	2375801080015	Phí Thị Anh	08/08/2005	Nữ	DH23A3	03		
36	116	2375801080007	Vũ Châu Anh	19/07/2005	Nữ	DH23A3	03		
37	117	2372101050004	Cấn Thị Bích	02/03/2005	Nữ	DH23A3	03		
38	118	2372101030006	Nông Lâm Ngọc Châu	04/11/2005	Nam	DH23A3	03		
39	119	2375801080032	Đàm Linh Chi	11/10/2005	Nữ	DH23A3	03		
40	120	2375801080031	Nguyễn Quỳnh Chi	04/08/2005	Nữ	DH23A3	03		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	121	2372101050005	Nguyễn Đức Duy	06/01/2004	Nam	DH23A3	04		
2	122	2372101050006	Hà Thị Ánh Dương	20/05/2004	Nữ	DH23A3	04		
3	123	2375801080039	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	08/01/2005	Nữ	DH23A3	04		
4	124	2375801080040	Vũ Viết Đại	06/05/2005	Nam	DH23A3	04		
5	125	2372101050007	Nguyễn Thị Hảo	15/08/2004	Nữ	DH23A3	04		
6	126	2375801080047	Nguyễn Thanh Hậu	10/01/2004	Nữ	DH23A3	04		
7	127	2375801080048	Bùi Thị Thanh Hiền	28/06/2005	Nữ	DH23A3	04		
8	128	2375801080054	Hoàng Quang Huy	27/07/2004	Nam	DH23A3	04		
9	129	2375801080053	Nguyễn Quang Huy	04/11/2005	Nam	DH23A3	04		
10	130	2375801080061	Lê Quỳnh Hương	16/09/2005	Nữ	DH23A3	04		
11	131	2375801080062	Ngô Minh Khanh	13/01/2005	Nữ	DH23A3	04		
12	132	2375801080070	Đào Thị Hương Lan	27/02/2005	Nữ	DH23A3	04		
13	133	2372101050008	Đỗ Thị Khánh Linh	31/08/2005	Nữ	DH23A3	04		
14	134	2375801080078	Hoàng Riệu Linh	30/07/2005	Nữ	DH23A3	04		
15	135	2372101050009	Vũ Thị Thùy Linh	29/10/2001	Nữ	DH23A3	04		
16	136	2375801080077	Vũ Tú Linh	20/06/2005	Nữ	DH23A3	04		
17	137	2375801080085	Trương Thị Lợi	07/02/2005	Nữ	DH23A3	04		
18	138	2375801080086	Nguyễn Quang Luật	26/06/2005	Nam	DH23A3	04		
19	139	2375801080094	Trần Anh Minh	04/09/2005	Nam	DH23A3	04		
20	140	2372101050010	Vũ Kim Ngân	06/01/2005	Nữ	DH23A3	04		
21	141	2375801080102	Đỗ Bảo Ngọc	30/04/2005	Nữ	DH23A3	04		
22	142	2375801080101	Nguyễn Bảo Ngọc	30/07/2005	Nữ	DH23A3	04		
23	143	2372101030029	Nguyễn Thị Bích Ngọc	06/02/2005	Nữ	DH23A3	04		
24	144	2372101050012	Đặng Ngọc Châu Nhi	10/01/2005	Nữ	DH23A3	04		
25	145	2372101050011	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	02/10/2004	Nữ	DH23A3	04		
26	146	2375801080109	Nguyễn Xuân Phong	22/12/2005	Nam	DH23A3	04		
27	147	2372101050013	Nguyễn Minh Quân	22/04/2005	Nam	DH23A3	04		
28	148	2375801080118	Nguyễn Minh Quân	17/12/2005	Nam	DH23A3	04		
29	149	2375801080117	Tạ Hồng Quân	18/09/2005	Nam	DH23A3	04		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	150	2372101050014	Lê Diễm Quỳnh	02/11/2005	Nữ	DH23A3	04		
31	151	2375801080126	Chu Thị Thanh Tâm	18/12/2004	Nữ	DH23A3	04		
32	152	2375801080125	Phạm Thị Thanh Tâm	07/10/2005	Nữ	DH23A3	04		
33	153	2375801080132	Ngô Thị Thúy	28/06/2005	Nữ	DH23A3	04		
34	154	2375801080133	Nguyễn Phương Thùy	14/10/2004	Nữ	DH23A3	04		
35	155	2375801080140	Linh Ngọc Trang	21/12/2005	Nữ	DH23A3	04		
36	156	2375801080147	Vũ Thu Uyên	02/12/2005	Nữ	DH23A3	04		
37	157	2375801080148	Trần Thị Vân	13/03/2003	Nữ	DH23A3	04		
38	158	2372101050015	Hoàng Hải Yến	25/02/2005	Nữ	DH23A3	04		
39	159	2372104040001	Trần Hòa An	02/01/2005	Nữ	DH23A4	04		
40	160	2372101070001	Bùi Thị Mai Anh	03/12/2005	Nữ	DH23A4	04		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	161	2372101070003	Hoàng Tùng Anh	03/05/2005	Nam	DH23A4	05		
2	162	2372104040006	Lê Phương Anh	08/10/2005	Nữ	DH23A4	05		
3	163	2372104040011	Lưu Trang Anh	14/12/2005	Nữ	DH23A4	05		
4	164	2372101070002	Lưu Tuấn Anh	15/12/2005	Nam	DH23A4	05		
5	165	2372104040004	Nguyễn Phương Anh	01/03/2003	Nữ	DH23A4	05		
6	166	2372104040010	Nguyễn Phương Anh	25/12/2005	Nữ	DH23A4	05		
7	167	2372104040005	Trần Ngọc Bảo Anh	22/11/2005	Nữ	DH23A4	05		
8	168	2372104040014	Lê Thị Minh Ánh	04/09/2005	Nữ	DH23A4	05		
9	169	2372104040015	Lê Trần Minh Nhật Bắc	14/07/2005	Nam	DH23A4	05		
10	170	2372104040016	Nguyễn Duy Bình	03/10/2005	Nam	DH23A4	05		
11	171	2372101070004	Ngô Lan Chi	30/09/2004	Nữ	DH23A4	05		
12	172	2372104040019	Vũ Thị Cẩm Duyên	18/08/2005	Nữ	DH23A4	05		
13	173	2372104040020	Đặng Thùy Dương	02/03/2005	Nữ	DH23A4	05		
14	174	2372104040024	Hàn Thị Ninh Giang	18/03/2005	Nữ	DH23A4	05		
15	175	2372101070006	Nguyễn Thị Hồng Hà	15/02/2003	Nữ	DH23A4	05		
16	176	2372104040027	Đặng Cao Hiếu	29/08/2004	Nam	DH23A4	05		
17	177	2372104040028	Phùng Thị Thanh Thanh Hiền	08/10/2004	Nữ	DH23A4	05		
18	178	2372101070007	Dương Ninh Ngọc Huyền	18/01/2005	Nữ	DH23A4	05		
19	179	2372104040032	Lại Khánh Huyền	09/03/2005	Nữ	DH23A4	05		
20	180	2372104040033	Nguyễn Thu Huyền	09/02/2005	Nữ	DH23A4	05		
21	181	2372104040036	Phạm Thị Ngọc Huyền	08/02/2005	Nữ	DH23A4	05		
22	182	2372104040037	Bạch Ngọc Lan Hương	24/12/2005	Nữ	DH23A4	05		
23	183	2372104040038	Nguyễn Tuấn Khôi	22/11/2005	Nam	DH23A4	05		
24	184	2372104040041	Hoàng Diệu Linh	15/01/2005	Nữ	DH23A4	05		
25	185	2372101070008	Nguyễn Ánh Linh	11/09/2005	Nữ	DH23A4	05		
26	186	2372104040042	Nguyễn Thị Ngọc Linh	03/08/2005	Nữ	DH23A4	05		
27	187	2372104040045	Trần Phương Linh	09/04/2005	Nữ	DH23A4	05		
28	188	2372104040046	Vũ Thị Hồng Luyến	11/02/2004	Nữ	DH23A4	05		
29	189	2372101070009	Lương Sương Mai	13/01/2005	Nữ	DH23A4	05		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	190	2372104040049	Nguyễn Tiến Minh	15/07/2005	Nam	DH23A4	05		
31	191	2372104040050	Vũ Lê Minh	21/06/2005	Nam	DH23A4	05		
32	192	2372104040051	Đỗ Hà My	12/10/2005	Nữ	DH23A4	05		
33	193	2372101070010	Trần Thị Trà My	22/11/2005	Nữ	DH23A4	05		
34	194	2372101070011	Đỗ Thị Thảo Ngân	06/01/2005	Nữ	DH23A4	05		
35	195	2372101070012	Nguyễn Hoàng Ngân	18/06/2005	Nữ	DH23A4	05		
36	196	2372104040055	Nguyễn Minh Nghĩa	12/09/2005	Nam	DH23A4	05		
37	197	2372104040057	Nguyễn Hồng Bảo Ngọc	23/07/2005	Nữ	DH23A4	05		
38	198	2372101070013	Trần Thúy Ngọc	13/01/2005	Nữ	DH23A4	05		
39	199	2372104040061	Lưu Yến Nhi	07/10/2004	Nữ	DH23A4	05		
40	200	2372104040060	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	07/04/2005	Nữ	DH23A4	05		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	201	2372104040063	Phạm Quỳnh Như	14/02/2005	Nữ	DH23A4	06		
2	202	2372104040066	Trần Minh Phương	24/11/2005	Nữ	DH23A4	06		
3	203	2372101070014	Nguyễn Anh Quân	15/04/2005	Nam	DH23A4	06		
4	204	2372101070015	Nguyễn Anh Quân	29/03/2005	Nam	DH23A4	06		**Ielts 5.5**
5	205	2372101070016	Nguyễn Như Quỳnh	31/05/2005	Nữ	DH23A4	06		
6	206	2372101070017	Trịnh Như Quỳnh	08/01/2004	Nữ	DH23A4	06		
7	207	2372104040070	Nguyễn Đỗ Ngọc Thanh	12/05/2005	Nam	DH23A4	06		
8	208	2372104040069	Phạm Thị Phương Thanh	13/03/2005	Nữ	DH23A4	06		
9	209	2372104040074	Nguyễn Thị Diệu Thảo	29/10/2005	Nữ	DH23A4	06		
10	210	2372104040071	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/12/2004	Nữ	DH23A4	06		
11	211	2372104040076	Nguyễn Phương Thúy	09/08/2004	Nữ	DH23A4	06		
12	212	2372104040079	Hoàng Lâm Thùy Trang	10/10/2005	Nữ	DH23A4	06		
13	213	2372101070018	Nguyễn Cẩm Vân	08/03/2004	Nữ	DH23A4	06		
14	214	2372101070019	Hoàng Khánh Vi	10/06/2004	Nữ	DH23A4	06		
15	215	2372104040081	Phan Thị Tường Vi	08/01/2005	Nữ	DH23A4	06		
16	216	2372101070020	Nguyễn Khánh Vy	18/10/2005	Nữ	DH23A4	06		
17	217	2372104030002	Chu Huỳnh Ngọc An	26/10/2005	Nam	DH23A5	06		
18	218	2372104030001	Võ Duy An	25/09/2004	Nam	DH23A5	06		
19	219	2372104030013	Nguyễn Lương Anh	09/02/2005	Nữ	DH23A5	06		
20	220	2372104030003	Nguyễn Mai Anh	13/09/2004	Nữ	DH23A5	06		
21	221	2372104030011	Phạm Nguyễn Hoàng Anh	08/11/2004	Nữ	DH23A5	06		
22	222	2372104030021	Phạm Thu Anh	08/11/2005	Nữ	DH23A5	06		
23	223	2372104030012	Trịnh Huyền Anh	10/07/2005	Nữ	DH23A5	06		
24	224	2372104030022	Nguyễn Dương Ngọc Ánh	05/11/2004	Nữ	DH23A5	06		
25	225	2372104030024	Hồ Tùng Bách	10/05/2005	Nam	DH23A5	06		
26	226	2372104030035	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	11/11/2005	Nữ	DH23A5	06		
27	227	2372104030036	Trần Quốc Đạt	20/02/2001	Nam	DH23A5	06		
28	228	2372104030040	Hoàng Trường Giang	11/03/2004	Nam	DH23A5	06		
29	229	2372104030038	Nguyễn Thị Hương Giang	05/03/2005	Nữ	DH23A5	06		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	230	2372104030042	Trần Nguyệt Hà	27/10/2005	Nữ	DH23A5	06		
31	231	2372104030050	Bạch Phương Hiền	17/09/2005	Nữ	DH23A5	06		
32	232	2372104030051	Nguyễn Minh Hoa	22/02/2005	Nữ	DH23A5	06		
33	233	2372104030052	Nguyễn Vũ Hoan	23/03/2003	Nam	DH23A5	06		
34	234	2372104030061	Hoàng Xuân Huy	28/10/2004	Nam	DH23A5	06		
35	235	2372104030060	Nguyễn Quang Huy	22/03/2005	Nam	DH23A5	06		
36	236	2372104030069	Đào Hoài Thanh Huyền	13/02/2005	Nữ	DH23A5	06		
37	237	2372104030070	Nguyễn Thị Minh Huyền	19/04/2005	Nữ	DH23A5	06		
38	238	2372104030071	Phạm Thị Khánh Huyền	14/08/2005	Nữ	DH23A5	06		
39	239	2372104030075	Phạm Mỹ Hương	28/08/2005	Nữ	DH23A5	06		
40	240	2372104030080	Trần An Khánh	16/10/2005	Nữ	DH23A5	06		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	241	2372104030081	Bùi Ngọc Khôi	26/01/2005	Nam	DH23A5	07		
2	242	2372104030089	Đỗ Thùy Linh	17/06/2005	Nữ	DH23A5	07		
3	243	2372104030099	Lê Gia Linh	22/08/2005	Nữ	DH23A5	07		
4	244	2372104030098	Nguyễn Đặng Diệu Linh	01/10/2005	Nữ	DH23A5	07		
5	245	2372104030090	Nguyễn Ngọc Thảo Linh	05/09/2005	Nữ	DH23A5	07		
6	246	2372104030108	Nguyễn Thị Ngọc Linh	29/09/2005	Nữ	DH23A5	07		
7	247	2372104030091	Trần Cát Linh	28/09/2005	Nữ	DH23A5	07		
8	248	2372104030109	Nguyễn Vũ Long	09/02/2005	Nam	DH23A5	07		
9	249	2372104030110	Vi Văn Long	15/05/2004	Nam	DH23A5	07		
10	250	2372104030120	Lê Ngọc Mai	01/12/2005	Nữ	DH23A5	07		
11	251	2372104030118	Nguyễn Thị Thanh Mai	30/09/2005	Nữ	DH23A5	07		
12	252	2372104030119	Nguyễn Vũ Ánh Mai	05/04/2005	Nữ	DH23A5	07		
13	253	2372104030128	Lại Thu Minh	18/03/2005	Nữ	DH23A5	07		
14	254	2372104030130	Lưu Trà My	08/05/2004	Nữ	DH23A5	07		
15	255	2372104030129	Quán Ngọc My	13/01/2005	Nữ	DH23A5	07		
16	256	2372104030141	Chu Mai Ngọc	18/11/2005	Nữ	DH23A5	07		
17	257	2372104030139	Đoàn Thị Bích Ngọc	17/05/2005	Nữ	DH23A5	07		
18	258	2372104030138	Nguyễn Thị Bích Ngọc	14/04/2005	Nữ	DH23A5	07		
19	259	2372104030149	Hoàng Minh Phương	26/04/2005	Nữ	DH23A5	07		
20	260	2372104030148	Nguyễn Mai Phương	05/12/2005	Nữ	DH23A5	07		
21	261	2372104030150	Nguyễn Ngọc Quỳnh Phương	28/09/2004	Nữ	DH23A5	07		
22	262	2372104030159	Cam Đức Thái	20/10/2005	Nam	DH23A5	07		
23	263	2372104030160	Đỗ Trí Anh Thái	20/11/2005	Nam	DH23A5	07		
24	264	2372104030168	Trịnh Thu Thủy	29/11/2005	Nữ	DH23A5	07		
25	265	2372104030170	Nguyễn Anh Thư	04/02/2005	Nữ	DH23A5	07		
26	266	2372104030174	Nguyễn Đỗ Minh Thư	28/12/2005	Nữ	DH23A5	07		
27	267	2372104030178	Tạ Thị Hoàng Tiến	22/04/2005	Nữ	DH23A5	07		
28	268	2372104030179	Trịnh Văn Tính	02/01/2004	Nam	DH23A5	07		
29	269	2372104030188	Hà Thùy Trang	17/02/2005	Nữ	DH23A5	07		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	270	2372104030189	Nguyễn Thị Thu Trang	17/05/2005	Nữ	DH23A5	07		
31	271	2372104030190	Trần Thị Hà Trang	08/12/2005	Nữ	DH23A5	07		
32	272	2372104030193	Đặng Sỹ Trung	20/07/2005	Nam	DH23A5	07		
33	273	2372104030197	Đào Duy Tùng	08/09/2005	Nam	DH23A5	07		
34	274	2372104030199	Nguyễn Thị Tú Uyên	23/08/2005	Nữ	DH23A5	07		
35	275	2372104030016	Dương Trần Quốc Anh	17/06/2005	Nam	DH23A6	07		
36	276	2372104030014	Đàm Thị Vân Anh	18/02/2005	Nữ	DH23A6	07		
37	277	2372104030015	Lê Vũ Quỳnh Anh	12/09/2005	Nữ	DH23A6	07		
38	278	2372104030005	Nguyễn Hiền Anh	15/09/2005	Nữ	DH23A6	07		
39	279	2372104030006	Phạm Ngọc Anh	27/12/2005	Nữ	DH23A6	07		
40	280	2372104030023	Nguyễn Hồng Ánh	25/08/2005	Nữ	DH23A6	07		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	281	2372104030025	Nguyễn Ngọc Bích	06/02/2005	Nữ	DH23A6	08		
2	282	2372104030026	Nông Thị Minh Châu	28/11/2005	Nữ	DH23A6	08		
3	283	2372104030031	Mai Tiến Công	02/11/2004	Nam	DH23A6	08		
4	284	2372104030037	Nguyễn Bá Đạt	30/10/2005	Nam	DH23A6	08		
5	285	2372104030039	Tạ Thu Hương Giang	29/03/2005	Nữ	DH23A6	08		
6	286	2372104030043	Bế Hồng Hạnh	16/01/2004	Nữ	DH23A6	08		
7	287	2372104030044	Lê Văn Hiếu	26/03/2002	Nam	DH23A6	08		
8	288	2372104030045	Trương Văn Hiển	27/11/2004	Nam	DH23A6	08		
9	289	2372104030055	Lê Huy Hoàng	16/09/2005	Nam	DH23A6	08		
10	290	2372104030053	Lê Văn Hoàng	29/10/2005	Nam	DH23A6	08		
11	291	2372104030054	Trịnh Thiện Hoàng	09/09/2005	Nam	DH23A6	08		
12	292	2372104030062	Trần Quang Huy	11/09/2005	Nam	DH23A6	08		
13	293	2372104030064	Thân Thị Huyền	15/08/2005	Nữ	DH23A6	08		
14	294	2372104030063	Trần Khánh Huyền	06/03/2005	Nữ	DH23A6	08		
15	295	2372104030072	Nguyễn Phi Hùng	30/09/2005	Nam	DH23A6	08		
16	296	2372104030074	Nguyễn Duy Hưng	19/02/2005	Nam	DH23A6	08		
17	297	2372104030073	Nguyễn Thành Hưng	09/10/2005	Nam	DH23A6	08		
18	298	2372104030082	Nguyễn Đăng Khôi	10/04/2005	Nam	DH23A6	08		
19	299	2372104030083	Phùng Trung Kiên	19/02/2005	Nam	DH23A6	08		
20	300	2372104030092	Đinh Bảo Linh	21/03/2005	Nữ	DH23A6	08		
21	301	2372104030093	Lê Thị Linh	25/09/2004	Nữ	DH23A6	08		
22	302	2372104030103	Nguyễn Mai Khánh Linh	24/03/2005	Nữ	DH23A6	08		
23	303	2372104030094	Nguyễn Thuỳ Linh	12/02/2005	Nữ	DH23A6	08		
24	304	2372104030111	Lê Thị Xuân Lộc	22/08/2004	Nữ	DH23A6	08		
25	305	2372104030113	Phùng Hà Ly	15/03/2005	Nữ	DH23A6	08		
26	306	2372104030121	Nguyễn Văn Mạnh	24/01/2005	Nam	DH23A6	08		
27	307	2372104030122	Trần Thị Mây	15/06/2004	Nữ	DH23A6	08		
28	308	2372104030123	Bùi Hoàng Hà Mi	16/03/2005	Nữ	DH23A6	08		
29	309	2372104030131	Lò Hà My	12/11/2005	Nữ	DH23A6	08		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	310	2372104030132	Nguyễn Thành Nam	17/08/2004	Nam	DH23A6	08		
31	311	2372104030133	Trần Thanh Nga	08/10/2005	Nữ	DH23A6	08		
32	312	2372104030140	Nguyễn Minh Ngọc	13/11/2005	Nữ	DH23A6	08		
33	313	2372104030142	Bùi Thị Nhàn	31/08/2004	Nữ	DH23A6	08		
34	314	2372104030143	Mã Hoàng Yến Nhi	14/08/2005	Nữ	DH23A6	08		
35	315	2372104030151	Lê Minh Phương	11/05/2005	Nữ	DH23A6	08		
36	316	2372104030152	Trần Minh Phương	01/05/2005	Nữ	DH23A6	08		
37	317	2372104030153	Phan Như Quỳnh	26/10/2005	Nữ	DH23A6	08		
38	318	2372104030161	Nguyễn Phương Thảo	03/07/2004	Nữ	DH23A6	08		
39	319	2372104030163	Nguyễn Phương Thảo	18/09/2005	Nữ	DH23A6	08		
40	320	2372104030162	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/02/2005	Nữ	DH23A6	08		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	321	2372104030171	Lương Anh Thư	13/10/2005	Nữ	DH23A6	09		
2	322	2372104030172	Lý Ngọc Anh Thư	19/03/2005	Nữ	DH23A6	09		
3	323	2372104030173	Nguyễn Hoàng Anh Thư	05/11/2005	Nữ	DH23A6	09		
4	324	2372104030175	Trần Lê Hoài Thương	09/12/2005	Nữ	DH23A6	09		
5	325	2372104030183	Đỗ Thùy Trang	16/11/2005	Nữ	DH23A6	09		
6	326	2372104030182	Nguyễn Huyền Trang	23/09/2005	Nữ	DH23A6	09		
7	327	2372104030191	Phạm Thu Trà	07/05/2005	Nữ	DH23A6	09		
8	328	2372104030192	Nguyễn Đức Trọng	23/02/2001	Nam	DH23A6	09		
9	329	2372104030198	Lê Thanh Tùng	08/12/2005	Nam	DH23A6	09		
10	330	2372104030200	Hà Thúy Vân	06/08/2004	Nữ	DH23A6	09		
11	331	2372104030201	Đàm Thị Viễn	05/04/2004	Nữ	DH23A6	09		
12	332	2372104030202	Trần Anh Vũ	24/07/2005	Nam	DH23A6	09		
13	333	2372104040002	Bùi Thị Thùy An	17/09/2004	Nữ	DH23A7	09		
14	334	2372104040003	Nguyễn Thị Hoàng An	25/12/2005	Nữ	DH23A7	09		
15	335	2372104040013	Đặng Thị Minh Anh	12/02/2005	Nữ	DH23A7	09		
16	336	2372104040008	Lê Phương Anh	23/06/2005	Nữ	DH23A7	09		
17	337	2372104040007	Nguyễn Lan Anh	21/07/2005	Nữ	DH23A7	09		
18	338	2372104040009	Nguyễn Quỳnh Anh	14/07/2005	Nữ	DH23A7	09		
19	339	2372104020006	Phạm Phương Anh	27/11/2005	Nữ	DH23A7	09		
20	340	2372104040012	Trần Phương Anh	23/09/2005	Nữ	DH23A7	09		
21	341	2372104020002	Vũ Ngọc Anh	05/01/2005	Nữ	DH23A7	09		
22	342	2372104040018	Ngô Thuỳ Dung	30/12/2005	Nữ	DH23A7	09		
23	343	2372104040017	Phan Thùy Dung	05/12/2003	Nữ	DH23A7	09		
24	344	2372104040021	Đinh Ánh Dương	21/08/2005	Nữ	DH23A7	09		
25	345	2372104020020	Trương Công Đạt	31/08/2004	Nam	DH23A7	09		
26	346	2372104040022	Nguyễn Trường Giang	29/03/2004	Nam	DH23A7	09		
27	347	2372104040023	Trần Thị Hương Giang	13/09/2005	Nữ	DH23A7	09		
28	348	2372104040025	Lê Thu Hà	16/10/2004	Nữ	DH23A7	09		
29	349	2372104040026	Trần Bảo Hân	22/07/2005	Nữ	DH23A7	09		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	350	2372104040029	Chu Thị Mai Hoa	16/07/2005	Nữ	DH23A7	09		
31	351	2372104040030	Lương Thanh Hoa	29/12/2003	Nữ	DH23A7	09		
32	352	2372104040034	Đỗ Khánh Huyền	29/06/2005	Nữ	DH23A7	09		
33	353	2372104040031	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/02/2005	Nữ	DH23A7	09		
34	354	2372104040035	Nguyễn Thu Huyền	16/01/2005	Nữ	DH23A7	09		
35	355	2372104020029	Nguyễn Thu Hương	24/04/2005	Nữ	DH23A7	09		
36	356	2372104040043	Đỗ Nhật Linh	02/08/2005	Nữ	DH23A7	09		
37	357	2372104040044	Hoa Huyền Diệu Linh	14/10/2004	Nữ	DH23A7	09		
38	358	2372104040039	Nguyễn Hoài Linh	07/02/2005	Nữ	DH23A7	09		
39	359	2372104040040	Nguyễn Mai Linh	27/06/2005	Nữ	DH23A7	09		
40	360	2372104040047	Hoàng Thị Thảo Ly	07/05/2005	Nữ	DH23A7	09		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	361	2372104040048	Nguyễn Thị Thanh Mai	01/12/2005	Nữ	DH23A7	10		
2	362	2372104020035	Trần Diệu Mai	01/05/2005	Nữ	DH23A7	10		
3	363	2372104040053	Lê Hoàng My	03/05/2003	Nữ	DH23A7	10		
4	364	2372104040052	Nguyễn Thị My	07/04/2005	Nữ	DH23A7	10		
5	365	2372104040054	Nguyễn Hồng Nga	27/09/2004	Nữ	DH23A7	10		
6	366	2372104040056	Chảo Khánh Ngọc	11/01/2004	Nữ	DH23A7	10		
7	367	2372104040059	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	17/10/2005	Nữ	DH23A7	10		
8	368	2372104020043	Đào Mai Nhi	06/08/2005	Nữ	DH23A7	10		
9	369	2372104020046	Hắc Thị Yến Nhi	17/12/2004	Nữ	DH23A7	10		
10	370	2372104040062	Nguyễn Hồng Nhung	19/04/2005	Nữ	DH23A7	10		
11	371	2372104040064	Đào Lâm Phúc	04/10/2005	Nam	DH23A7	10		
12	372	2372104040068	Phạm Thị Thanh Thanh	19/02/2005	Nữ	DH23A7	10		
13	373	2372104020051	Nguyễn Vũ Thái	02/02/2003	Nam	DH23A7	10		
14	374	2372104040073	Lưu Thu Thảo	03/07/2005	Nữ	DH23A7	10		
15	375	2372104040072	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/09/2004	Nữ	DH23A7	10		
16	376	2372104040075	Nguyễn Thị Lệ Thu	24/06/2005	Nữ	DH23A7	10		
17	377	2372104020054	Trần Ánh Thu	30/03/2005	Nữ	DH23A7	10		
18	378	2372104040077	Vũ Thu Thủy	13/03/2005	Nữ	DH23A7	10		
19	379	2372104040078	Vũ Đào Minh Thư	30/08/2005	Nữ	DH23A7	10		
20	380	2372104040080	Trần Thu Trang	30/08/2005	Nữ	DH23A7	10		
21	381	2372104020060	Đặng Anh Tuấn	18/01/2005	Nam	DH23A7	10		
22	382	2372104020063	Tạ Quang Tùng	14/12/2001	Nam	DH23A7	10		
23	383	2372104020001	Phạm Ngọc An	25/01/2004	Nam	DH23A8	10		
24	384	2372104020008	Lê Hoàng Anh	30/04/2005	Nam	DH23A8	10		
25	385	2372104020005	Lý Thị Hà Anh	16/09/2004	Nữ	DH23A8	10		
26	386	2372104020004	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	30/09/2005	Nữ	DH23A8	10		
27	387	2372104020003	Nguyễn Thị Minh Anh	03/02/2005	Nữ	DH23A8	10		
28	388	2372104020007	Phùng Thị Thu Anh	23/09/2005	Nữ	DH23A8	10		
29	389	2372104020010	Huỳnh Gia Bảo	21/11/2005	Nam	DH23A8	10		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	390	2372104020011	Dư Nhã Bình	25/07/2005	Nữ	DH23A8	10		**Ielts 6.5**
31	391	2372104020013	Nguyễn Linh Chi	05/12/2005	Nữ	DH23A8	10		
32	392	2372104020012	Từ Hồ Bảo Chi	29/03/2005	Nữ	DH23A8	10		
33	393	2372104020014	Hà Ngọc Cương	22/09/2005	Nam	DH23A8	10		
34	394	2372104020015	Đỗ Hồng Diệu	13/01/2005	Nữ	DH23A8	10		
35	395	2372104020017	Nguyễn Ánh Dương	08/04/2005	Nữ	DH23A8	10		
36	396	2372104020018	Nguyễn Bạch Dương	24/01/2004	Nữ	DH23A8	10		
37	397	2372104020019	Trần Ánh Dương	09/10/2005	Nữ	DH23A8	10		
38	398	2372104020021	Nguyễn Hoàng Ngân Giang	13/10/2005	Nữ	DH23A8	10		
39	399	2372104020022	Phan Thu Hà	14/12/2004	Nữ	DH23A8	10		
40	400	2372104020023	Kiều Thị Minh Hạnh	22/02/2005	Nữ	DH23A8	10		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	401	2372104020024	Đinh Thị Ngọc Hiếu	21/10/2005	Nữ	DH23A8	11		
2	402	2372104020025	Bùi Nhật Hoa	21/02/2004	Nữ	DH23A8	11		
3	403	2372104020026	Nguyễn Phúc Huấn	22/05/2005	Nam	DH23A8	11		
4	404	2372104020027	Cao Thị Khánh Huyền	27/11/2004	Nữ	DH23A8	11		
5	405	2372104020028	Trần Thị Thanh Hương	09/08/2005	Nữ	DH23A8	11		
6	406	2372104020031	Nguyễn Thị Lệ	02/06/2005	Nữ	DH23A8	11		
7	407	2372104020033	Lâm Gia Linh	15/12/2004	Nữ	DH23A8	11		
8	408	2372104020032	Nhân Thùy Linh	20/04/2005	Nữ	DH23A8	11		
9	409	2372104020034	Phạm Thị Khánh Ly	02/07/2004	Nữ	DH23A8	11		
10	410	2372104020037	Đỗ Đức Mạnh	27/04/2005	Nam	DH23A8	11		
11	411	2372104020038	Trần Hoàng Minh	03/09/2005	Nam	DH23A8	11		
12	412	2372104020047	Bùi Thị Trinh Nữ	06/11/2004	Nữ	DH23A8	11		
13	413	2372104020040	Nguyễn A Na	06/05/2005	Nữ	DH23A8	11		
14	414	2372104020041	Mai Phương Nam	30/07/2004	Nam	DH23A8	11		
15	415	2372104020042	Vũ Thanh Ngân	05/05/2005	Nữ	DH23A8	11		
16	416	2372104020039	Nguyễn Thị Minh Ngọc	11/10/2005	Nữ	DH23A8	11		
17	417	2372104020044	Đỗ Yến Nhi	22/11/2005	Nữ	DH23A8	11		
18	418	2372104020048	Phùng Hữu Phú	22/09/2005	Nam	DH23A8	11		
19	419	2372104020049	Hoàng Thị Thanh Tâm	15/03/2005	Nữ	DH23A8	11		
20	420	2372104020050	Nguyễn Thanh Tâm	02/12/2005	Nữ	DH23A8	11		
21	421	2372104020053	Hà Phương Thảo	06/09/2005	Nữ	DH23A8	11		
22	422	2372104020052	Nguyễn Phương Thảo	14/12/2005	Nữ	DH23A8	11		
23	423	2372104020056	Phạm Anh Thư	20/06/2005	Nữ	DH23A8	11		
24	424	2372104020055	Trần Anh Thư	20/08/2005	Nữ	DH23A8	11		
25	425	2372104020057	Đào Hải Thương	21/06/2005	Nữ	DH23A8	11		
26	426	2372104020059	Lã Thị Thu Trang	20/06/2005	Nữ	DH23A8	11		
27	427	2372104020061	Hà Anh Tú	28/03/2005	Nam	DH23A8	11		
28	428	2372104020062	Ngô Sơn Tùng	26/08/2005	Nam	DH23A8	11		
29	429	2372104020064	Nguyễn Hữu Tùng	25/12/2004	Nam	DH23A8	11		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	430	2372104020065	Lê Thu Uyên	23/10/2005	Nữ	DH23A8	11		
31	431	2372104020066	Trịnh Khánh Vân	26/10/2003	Nữ	DH23A8	11		
32	432	2372104020067	Nguyễn Khánh Vy	25/11/2005	Nữ	DH23A8	11		
33	433	2372101030002	Nguyễn Đức Thành An	29/07/2005	Nam	DH23A9	11		
34	434	2372101030001	Nguyễn Ngọc An	24/02/2005	Nữ	DH23A9	11		
35	435	2372101030003	Dương Nhật Anh	25/01/2005	Nữ	DH23A9	11		
36	436	2372104030017	Nguyễn Minh Anh	28/05/2003	Nữ	DH23A9	11		
37	437	2372101030004	Nguyễn Phương Bảo Anh	13/02/2004	Nữ	DH23A9	11		
38	438	2372101030005	Nguyễn Ngọc Bích	26/05/2005	Nữ	DH23A9	11		
39	439	2372104030027	Dương Minh Châu	22/01/2005	Nữ	DH23A9	11		
40	440	2372101030007	Đỗ Thủy Chi	21/03/2005	Nữ	DH23A9	11		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	441	2372101030008	Nguyễn Linh Chi	19/03/2005	Nữ	DH23A9	12		
2	442	2372101030010	Hoàng Thị Hồng Gấm	07/01/2004	Nữ	DH23A9	12		
3	443	2372101030011	Nguyễn Thị Thu Hà	01/12/2004	Nữ	DH23A9	12		
4	444	2372101030012	Đinh Thị Huyền Hạnh	15/11/2005	Nữ	DH23A9	12		
5	445	2372101030013	Nguyễn Thu Hiền	23/10/2005	Nữ	DH23A9	12		
6	446	2372104030046	Nguyễn Minh Hiển	12/11/2004	Nữ	DH23A9	12		
7	447	2372101030015	Đào Huy Hoàng	07/07/2005	Nam	DH23A9	12		
8	448	2372101030016	Đỗ Văn Hoàng	08/11/2004	Nam	DH23A9	12		
9	449	2372101030014	Nguyễn Ngọc Hoàng	08/11/2002	Nam	DH23A9	12		
10	450	2372104030056	Nguyễn Việt Hoàng	14/10/2004	Nam	DH23A9	12		
11	451	2372101030017	Giàng Thị Hồng	13/10/2004	Nữ	DH23A9	12		
12	452	2372104030065	Đỗ Phương Huyền	10/10/2005	Nữ	DH23A9	12		
13	453	2372101030018	Vương Thu Huyền	01/01/2004	Nữ	DH23A9	12		
14	454	2372101030019	Đoàn Văn Hùng	19/01/2004	Nam	DH23A9	12		
15	455	2372101030020	Bùi Thị Thục Khuê	15/05/2005	Nữ	DH23A9	12		
16	456	2372101030021	Trần Ngọc Lan	28/10/2005	Nữ	DH23A9	12		
17	457	2372104030085	Vũ Tường Lâm	16/09/2005	Nam	DH23A9	12		
18	458	2372104030086	Nguyễn Thị Lệ	20/08/2005	Nữ	DH23A9	12		
19	459	2372101030022	Hồ Khánh Linh	11/09/2004	Nữ	DH23A9	12		
20	460	2372104030095	Nguyễn Phương Linh	08/12/2005	Nữ	DH23A9	12		
21	461	2372101030023	Nguyễn Thị Mai Linh	28/12/2005	Nữ	DH23A9	12		
22	462	2372104030104	Vi Diệu Linh	03/06/2004	Nữ	DH23A9	12		
23	463	2372101030024	Trần Khánh Ly	31/12/2005	Nữ	DH23A9	12		
24	464	2372101030025	Lê Phương Mai	31/01/2005	Nữ	DH23A9	12		
25	465	2372101030026	Nguyễn Ngọc Mai	11/06/2004	Nữ	DH23A9	12		
26	466	2372104030114	Trần Chi Mai	17/05/2005	Nữ	DH23A9	12		
27	467	2372104030124	Đinh Văn Minh	05/12/2005	Nam	DH23A9	12		
28	468	2372101030027	Trần Thị Trà My	01/08/2004	Nữ	DH23A9	12		
29	469	2372104030134	Đỗ Phương Ngân	05/04/2002	Nữ	DH23A9	12		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	470	2372101030028	Khuất Thị Hồng Ngọc	07/08/2005	Nữ	DH23A9	12		
31	471	2372101030031	Đặng Ngọc Phương Nhi	14/11/2005	Nữ	DH23A9	12		
32	472	2372101030032	Nguyễn Thị Yến Nhi	11/01/2004	Nữ	DH23A9	12		
33	473	2372104030144	Nguyễn Thị Yến Nhi	29/12/2005	Nữ	DH23A9	12		
34	474	2372101030030	Tạ Vân Nhi	07/06/2005	Nữ	DH23A9	12		
35	475	2372101030033	Nguyễn Hồng Nhinh	26/09/2005	Nữ	DH23A9	12		
36	476	2372101030035	Nguyễn Thu Phương	23/05/2005	Nữ	DH23A9	12		
37	477	2372101030034	Phạm Hải Phương	09/11/2004	Nam	DH23A9	12		
38	478	2372101030036	Lý Nhật Quang	22/11/2004	Nam	DH23A9	12		
39	479	2372104030154	Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh	24/10/2004	Nữ	DH23A9	12		
40	480	2372104030164	Nguyễn Thị Thảo	10/10/2005	Nữ	DH23A9	12		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	481	2372101030037	Phan Sỹ Thắng	13/08/2004	Nam	DH23A9	13		
2	482	2372104030169	Trần Thu Thủy	17/07/2005	Nữ	DH23A9	13		
3	483	2372101030038	Nguyễn Hoàng Thương	18/11/2005	Nữ	DH23A9	13		
4	484	2372104030180	Nguyễn Ngọc Toàn	25/10/2005	Nam	DH23A9	13		
5	485	2372104030186	Tôn Nữ Mai Trang	06/03/2004	Nữ	DH23A9	13		
6	486	2372104030184	Trịnh Hà Trang	28/11/2005	Nữ	DH23A9	13		
7	487	2372101030039	Vương Thị Trang	20/07/2004	Nữ	DH23A9	13		
8	488	2372101030040	Chu Anh Tuấn	02/08/2005	Nam	DH23A9	13		
9	489	2372101030041	Hoàng Trung Tuấn	24/06/2004	Nam	DH23A9	13		
10	490	2372101030042	Đỗ Phương Uyên	03/12/2005	Nữ	DH23A9	13		
11	491	2372101030043	Nguyễn Khánh Vân	24/10/2005	Nữ	DH23A9	13		
12	492	2372101030044	Nguyễn Thị Vi	23/03/2005	Nữ	DH23A9	13		
13	493	2372104030203	Lê Hà Vy	11/04/2005	Nữ	DH23A9	13		
14	494	2372104030010	Bùi Phương Anh	07/11/2005	Nữ	DH23A10	13		
15	495	2372104030009	Lê Huyền Anh	07/06/2005	Nữ	DH23A10	13		
16	496	2372104030008	Nguyễn Minh Anh	01/08/2005	Nữ	DH23A10	13		
17	497	2372104030007	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	18/12/2005	Nữ	DH23A10	13		
18	498	2372104030018	Nguyễn Vân Anh	09/07/2005	Nữ	DH23A10	13		
19	499	2372104030020	Tạ Phương Anh	19/05/2005	Nữ	DH23A10	13		
20	500	2372104030019	Tô Bảo Châu Anh	21/10/2005	Nữ	DH23A10	13		
21	501	2372104030030	Đinh Thị Kim Chi	11/11/2005	Nữ	DH23A10	13		
22	502	2372104030029	Nguyễn Thị Yến Chi	27/03/2005	Nữ	DH23A10	13		
23	503	2372104030028	Vũ Gia Chi	23/11/2005	Nữ	DH23A10	13		
24	504	2372104030033	Đàm Thị Dung	02/07/2005	Nữ	DH23A10	13		
25	505	2372104030032	Vương Thị Dung	09/02/2005	Nữ	DH23A10	13		
26	506	2372104030034	Nguyễn Thanh Duyên	10/03/2005	Nữ	DH23A10	13		
27	507	2372104030048	Nguyễn Thu Hiền	25/07/2005	Nữ	DH23A10	13		
28	508	2372104030049	Tôn Thị Hiền	09/04/2002	Nữ	DH23A10	13		
29	509	2372104030047	Nguyễn Tiến Hiệp	15/12/2005	Nam	DH23A10	13		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	510	2372104030057	Vũ Khánh Hòa	11/02/2004	Nữ	DH23A10	13		
31	511	2372104030058	Đỗ Thu Huế	26/03/2005	Nữ	DH23A10	13		
32	512	2372104030059	Trần Thị Bích Huệ	05/03/2005	Nữ	DH23A10	13		
33	513	2372104030066	Hoàng Khánh Huyền	05/07/2005	Nữ	DH23A10	13		
34	514	2372104030068	Lê Thị Khánh Huyền	14/11/2005	Nữ	DH23A10	13		
35	515	2372104030067	Nguyễn Ngọc Huyền	08/11/2005	Nữ	DH23A10	13		
36	516	2372104030076	Nguyễn Minh Hương	16/05/2005	Nữ	DH23A10	13		
37	517	2372104030077	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	08/12/2005	Nữ	DH23A10	13		
38	518	2372104030078	Lê Tuấn Khanh	22/10/2005	Nam	DH23A10	13		
39	519	2372104030084	Trần Tuấn Kiệt	16/12/2005	Nam	DH23A10	13		
40	520	2372104030087	Triệu Thị Hoa Liên	11/09/2005	Nữ	DH23A10	13		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO KHÓA DH23 (2023-2028)

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
1	521	2372104030107	Bùi Hải Linh	24/12/2004	Nữ	DH23A10	14		
2	522	2372104030105	Đặng Thị Diệu Linh	30/07/2005	Nữ	DH23A10	14		
3	523	2372104030106	Đỗ Diệu Linh	11/02/2004	Nữ	DH23A10	14		
4	524	2372104030102	Đỗ Trần Khánh Linh	02/04/2005	Nữ	DH23A10	14		
5	525	2372104030088	Nguyễn Diệu Linh	08/02/2005	Nữ	DH23A10	14		
6	526	2372104030096	Nguyễn Phương Linh	13/09/2005	Nữ	DH23A10	14		
7	527	2372104030097	Vương Thùy Linh	14/12/2005	Nữ	DH23A10	14		
8	528	2372104030116	Lê Thị Tuyết Mai	29/06/2004	Nữ	DH23A10	14		
9	529	2372104030115	Vũ Ngọc Quỳnh Mai	29/10/2005	Nữ	DH23A10	14		
10	530	2372104030117	Vương Quỳnh Mai	22/05/2005	Nữ	DH23A10	14		
11	531	2372104030125	Lê Ngọc Minh	23/09/2004	Nữ	DH23A10	14		
12	532	2372104030126	Nguyễn Nhật Minh	30/11/2005	Nam	DH23A10	14		
13	533	2372104030127	Nguyễn Quang Minh	11/08/2005	Nam	DH23A10	14		
14	534	2372104030135	Lương Thu Ngân	13/07/2005	Nữ	DH23A10	14		
15	535	2372104030136	Trần Thu Ngân	19/04/2005	Nữ	DH23A10	14		
16	536	2372104030137	Trần Minh Ngọc	14/10/2005	Nữ	DH23A10	14		
17	537	2372104030146	Nguyễn Hữu Phúc	19/01/2005	Nam	DH23A10	14		
18	538	2372104030147	Lê Hồng Phương	22/07/2004	Nữ	DH23A10	14		
19	539	2372104030155	Chu Thị Trúc Quỳnh	19/07/2005	Nữ	DH23A10	14		
20	540	2372104030157	Hồ Đức Tài	26/05/2005	Nam	DH23A10	14		
21	541	2372104030165	Lê Huy Thân	08/09/2004	Nam	DH23A10	14		
22	542	2372104030166	Nguyễn Thị Thơm	30/05/2002	Nữ	DH23A10	14		
23	543	2372104030167	Trần Minh Thu	24/10/2005	Nữ	DH23A10	14		
24	544	2372104030177	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	18/10/2004	Nữ	DH23A10	14		
25	545	2372104030181	Trần Đức Toàn	14/02/2005	Nam	DH23A10	14		
26	546	2372104030185	Nguyễn Hồng Trang	15/11/2005	Nữ	DH23A10	14		
27	547	2372104030187	Nguyễn Mai Trang	28/08/2005	Nữ	DH23A10	14		
28	548	2372104030194	Nguyễn Anh Tuấn	18/11/2005	Nam	DH23A10	14		
29	549	2372104030196	Trần Cẩm Tú	15/06/2004	Nữ	DH23A10	14		

STT	Số BD	Mã sv	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Phòng thi	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài
30	550	2372104030195	Triệu Thị Thanh Tú	07/11/2005	Nữ	DH23A10	14		
31	551	2372104030204	Nguyễn Thị Thảo Vy	08/12/2005	Nữ	DH23A10	14		
32	552	2372104030205	Bùi Thị Yến	21/08/2005	Nữ	DH23A10	14		

Số thí sinh có mặt: .....
Số thí sinh vắng mặt: .....

Tổng số bài: .....
Tổng số tờ: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Giám thị coi thi số 1

Giám thị coi thi số 2